

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Nước ta có điều kiện thuận lợi cho đánh bắt thủy sản do có

- A. các ngư trường. B. vũng, vịnh nước sâu.
C. bãi triều, đầm phá. D. rừng ngập mặn ven biển.

Câu 42: Để phòng chống khô hạn lâu dài cần

- A. phát triển thủy lợi. B. quy hoạch dân cư. C. sơ tán dân. D. xây dựng đê.

Câu 43: Cơ cấu công nghiệp nước ta có xu hướng đa dạng hóa sản phẩm để

- A. gia tăng sản lượng. B. nâng cao chất lượng. C. giảm chi phí sản xuất. D. phù hợp thị trường.

Câu 44: Các nhà máy thủy điện lớn của nước ta được xây dựng chủ yếu trên sông

- A. Mê Kông. B. Đà. C. Cả. D. Mã.

Câu 45: Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu để nâng cao chất lượng sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. đầu tư thủy lợi. B. mở rộng diện tích.
C. phát triển chế biến. D. tăng cường quảng bá.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam Trang 4 -5, cho quần đảo Côn Sơn (Côn Đảo) thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Sóc Trăng. B. Cà Mau. C. Trà Vinh. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết các mỏ dầu đang được khai thác ở nước ta chủ yếu nằm trong các bồn trầm tích nào?

- A. Vịnh Bắc Bộ, Tri Tôn. B. Tư Chính, Trường Sa.
C. Cửu Long, Nam Côn Sơn. D. Cảnh Dương, Malay.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây ở nước ta có lượng mưa trung bình năm lớn hơn 2400 mm?

- A. Vòm sông Chảy. B. Lòng máng Cao - Lạng.
C. Cực Nam Trung Bộ. D. Thung Lũng sông Ba (Đà Rằng).

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây nằm trên dãy Hoàng Liên Sơn?

- A. Pu Trà. B. Phan-xi-păng. C. Kiều Liêu Ti. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có lưu vực nằm cả ở phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

- A. Sông Cả. B. Sông Đồng Nai. C. sông Thu Bồn. D. Sông Mê Kông.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có thu nhập bình quân đầu người cao nhất?

- A. Tây Ninh. B. Bình Phước. C. Long An. D. Bình Dương.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Bình. C. Quảng Trị. D. Nghệ An.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản trên 50%?

- A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Trà Vinh. D. Nghệ An.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Cần Thơ **không** có ngành nào sau đây?

- A. Dệt, may. B. Vật liệu xây dựng. C. Đóng tàu. D. Luyện kim đen.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết sân bay nào sau đây là sân bay quốc tế?

- A. Vinh. B. Đà Nẵng. C. Phù Cát. D. Đông Tác.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết năm 2007 quốc gia nào sau đây Việt Nam nhập siêu?

- A. Hoa Kỳ. B. Ô-xtra-li-a. C. Trung Quốc. D. Nhật Bản.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây của Đồng bằng sông Hồng có giá trị sản xuất công nghiệp từ 40 - 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. Bắc Ninh. D. Hưng Yên.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây của tỉnh Thanh Hóa?

- A. Vinh. B. Huê. C. Bỉm Sơn. D. Nam Định.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết trên sông Xê Xan có nhà máy thủy điện nào sau đây?

- A. Buôn Đôn. B. Yaly. C. Hàm Thuận - Đa Mi. D. Đa Nhim.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết hồ Trị An thuộc tỉnh nào?

- A. Đồng Nai. B. Tây Ninh. C. Bình Dương. D. Bình Phước.

Câu 61: Cho bảng số liệu: DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2019

(Đơn vị: triệu người)

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Thái Lan
Tổng số dân	268,4	32,0	108,0	66,4
Dân số thành thị	148,4	24,3	50,7	33,2

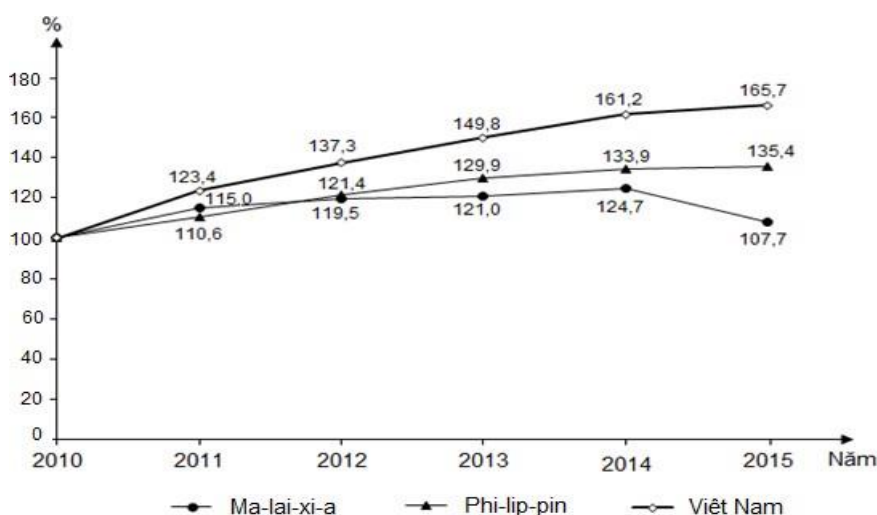
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, cho biết nước nào có tỉ lệ dân thành thị cao nhất?

- A. In-đô-nê-xi-a. B. Phi-lip-pin. C. Ma-lai-xi-a. D. Thái Lan

Câu 62: Cho biểu đồ:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP/NGƯỜI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á, GIAI ĐOẠN NĂM 2010 - 2015



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào biểu đồ trên, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Việt Nam tăng nhanh hơn Phi-lip-pin B. Ma-lai-xi-a tăng nhanh, liên tục.
C. Phi-lip-pin tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a. D. Việt Nam và Phi-lip-pin đều tăng.

Câu 63: Vị trí tiếp giáp với biển nên nước ta có

- A. khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt. B. nền nhiệt cao chan hòa ánh nắng.
C. thảm thực vật xanh tốt giàu sức sống. D. thiên nhiên có sự phân hóa đa dạng.

Câu 64: Giải pháp chủ yếu nào sau đây nhằm thu hút đầu tư vào các đô thị ở nước ta?

- A. Phát triển cơ sở hạ tầng. B. Mở rộng quy mô đô thị.
C. Đẩy mạnh xuất khẩu. D. Đa dạng loại hình đào tạo.

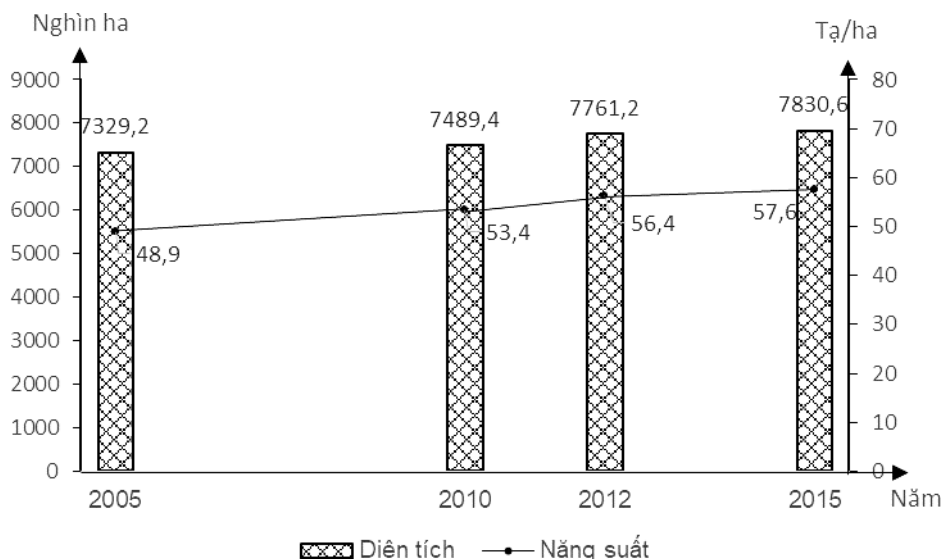
Câu 65: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay?

- A. Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm ở nước ta còn gay gắt.
B. Tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn lớn hơn so với thành thị.
C. Tỉ lệ thất nghiệp ở nông thôn lớn hơn so với thành thị.
D. Là một vấn đề kinh tế - xã hội lớn ở nước ta cần quan tâm.

Câu 66: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta là

- A. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.

- B. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.
 C. khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
 D. sử dụng hợp lý nguồn lao động dồi dào trong nước.
- Câu 67:** Trong thời gian gần đây, cây công nghiệp lâu năm ở nước ta được phát triển mạnh chủ yếu là do
 A. lao động có nhiều kinh nghiệm. B. khí hậu nhiệt đới nóng ẩm.
 C. thị trường được mở rộng. D. diện tích đất badan rộng lớn.
- Câu 68:** Những thành tựu quan trọng đạt được trong ngành chăn nuôi nước ta chủ yếu do
 A. trình độ lao động được nâng cao. B. dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ.
 C. cơ sở chế biến phát triển mạnh.. D. cơ sở thức ăn được đảm bảo hơn.
- Câu 69:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?
 A. Chủ yếu chở hàng xuất nhập khẩu. B. Khối lượng luân chuyển lớn nhất.
 C. Hệ thống cảng được nâng cấp. D. Mạng lưới phủ khắp cả nước.
- Câu 70:** Ngành du lịch nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?
 A. Tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú. B. Có các trung tâm du lịch quốc gia, vùng.
 C. Du lịch biển đảo còn ở dạng tiềm năng. D. Khách du lịch chủ yếu là khách nội địa.
- Câu 71:** Yếu tố nào sau đây có tác động chủ yếu đến phát triển ngành nội thương của nước ta hiện nay?
 A. Tổng mức hàng hóa bán lẻ tăng. B. Chất lượng cuộc sống cao.
 C. Cơ cấu dân số có sự thay đổi. D. Có nhiều thành phần kinh tế.
- Câu 72:** Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?
 A. Thu hút đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
 B. Khai thác tốt thế mạnh, đa dạng hóa hoạt động sản xuất
 C. Thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lý tự nhiên.
 D. Nâng cao hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm tại chỗ.
- Câu 73:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng tập trung chăn nuôi gia súc lớn ở Bắc Trung Bộ là
 A. sử dụng hợp lý tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.
 B. giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
 C. khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.
 D. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.
- Câu 74:** Nguyên nhân chủ yếu để phát triển du lịch biển - đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là
 A. nhiều bãi biển rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.
 B. sản phẩm du lịch đa dạng, cơ sở hạ tầng tốt hơn.
 C. nguồn lao động dồi dào, chất lượng được nâng cao.
 D. hoạt động quảng bá rộng rãi, môi trường cải thiện.
- Câu 75:** Tình trạng hạn hán ở Đồng bằng sông Cửu Long dẫn đến hệ quả là
 A. diện tích rừng ngập mặn và vùng sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp nhanh.
 B. biến đổi khí hậu, tình trạng cháy rừng và diện tích nuôi tôm bị ảnh hưởng.
 C. biến đổi khí hậu, gia tăng xâm nhập mặn, thiếu nước sinh hoạt và sản xuất.
 D. xâm nhập mặn lấn sâu, sụt lún vùng ngọt, thiếu nước sinh hoạt và sản xuất.
- Câu 76:** Cho biểu đồ về tình hình sản xuất lúa nước ta, giai đoạn 2005 - 2015



(Nguồn số liệu theo Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng diện tích và năng suất lúa nước ta.
- B. Quy mô và cơ cấu diện tích, năng suất lúa nước ta.
- C. Quy mô diện tích và năng suất lúa nước ta qua các năm.
- D. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích và năng suất lúa nước ta.

Câu 77: Nguyên nhân làm cho thiên nhiên nước ta có sự thống nhất giữa phần đất liền và vùng biển là do

- A. biển ảnh hưởng mạnh mẽ đến thiên nhiên phần đất liền.
- B. lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ độ, đồi núi lan sát ra biển.
- C. vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km².
- D. địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.
- B. phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.
- C. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
- D. thu hút lao động kĩ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.

Câu 79: Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác khoáng sản ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

- A. thiếu lao động có chuyên môn kĩ thuật.
- B. chi phí đầu tư lớn, đòi hỏi công nghệ cao.
- C. thiếu máy móc và phương tiện khai thác.
- D. địa hình hiểm trở, giao thông khó khăn.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1999 - 2019

Năm	1999	2009	2016	2019
Tỉ lệ dân thành thị (%)	23,6	29,6	33,7	34,4
Số dân thành thị (nghìn người)	18081	25585	31986	33817

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, NXB Thống kê 2020)

Để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 1999 - 2019, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Đường.
- C. Kết hợp.
- D. Miền.

-----Hết-----

Thí sinh được sử dụng *Atlas Địa lí Việt Nam* do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

MA TRẬN

Chuyên đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Số câu
Địa lí tự nhiên	1	1	0	1	3
Địa lí dân cư	0	2	0	0	2
Địa lí các ngành kinh tế	3	4	1	0	8
Địa lí các vùng kinh tế	1	1	4	2	8
Thực hành kĩ năng địa lí	15	2 (Đông Nam Á)	1	1	19
Tổng số câu	20	10	6	4	40
Tỉ lệ %	50%	25%	15%	10%	100%

CẤU TRÚC ĐỀ THI THAM KHẢO

1. Cấu trúc đề.

2. Nhận xét đề.

- **Nội dung kiến thức:** Nằm chủ yếu trong chương trình địa lý lớp 12, có 2 câu kĩ năng biểu đồ, bảng số liệu lớp 11 (thuộc bài Đông Nam Á).

- **Hình thức:**

- + Đề soạn bám sát đề minh họa của Bộ Giáo Dục.
- + Bám sát sách giáo khoa, chương trình Địa lý 12.
- + Bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng.

- **Cấp độ nhận thức:** nhận biết 50%, thông hiểu 25%, vận dụng 15 %, vận dụng cao 10%.

- **Cấu trúc đề:**

- + Đề thi có 75% câu hỏi thuộc mức độ nhận biết và thông hiểu.
- + 25% vận dụng và vận dụng cao.
- + Trong đó 15 câu hỏi kĩ năng Atlat.
- + 2 câu biểu đồ và 2 câu bảng số liệu.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
A	A	D	B	C	D	A	A	B	D
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
D	D	A	C	B	C	C	C	B	A
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
C	B	C	A	C	A	D	D	D	C
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
A	A	C	B	D	C	C	C	B	C

GIẢI THÍCH THAM KHẢO

CÂU	ĐÁP ÁN	GIẢI THÍCH
41	A	Nước ta có điều kiện thuận lợi cho đánh bắt thủy sản do có vùng biển rộng, nguồn lợi thủy sản phong phú, có các ngư trường lớn (4 ngư trường).
42	A	Để phòng chống khô hạn lâu dài phải giải quyết bằng cách xây dựng các công trình thủy lợi hợp lí.
43	D	Cơ cấu công nghiệp nước ta có xu hướng đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với yêu cầu thị trường, tăng hiệu quả đầu tư.

44	B	Các nhà máy thủy điện lớn của nước ta (nhà máy thủy điện Hòa Bình, Sơn La) được xây dựng trên sông Đà (một phụ lưu của hệ thống Hồng Hồng).
45	C	Đề nâng cao chất lượng sản phẩm cây CN ở Tây Nguyên, cần phát triển công nghiệp chế biến.
46	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
47	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
48	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
49	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
50	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
51	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
52	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
53	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
54	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
55	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
56	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
57	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
58	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
59	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
60	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
61	C	Áp dụng công thức: Tỷ lệ dân thành thị = $\frac{\text{Dân số thành thị}}{\text{Tổng số dân}}$, tỉ lệ dân thành thị của Ma-lai-xi-a là cao nhất trong 4 quốc gia :76%
62	B	Căn cứ vào biểu đồ, ta thấy, Phi-lip-pin và Việt Nam tốc độ tăng trưởng GDP/người tăng, chỉ có Ma-lai-xi-a giảm, như vậy nói Ma-lai-xi-a tăng nhanh và liên tục và không đúng.
63	C	Do nước ta giáp biển nên có mưa nhiều (1500-2000mm), độ ẩm cao (trên 80%) làm cho thảm thực vật nước ta xanh tốt, giàu sức sống.
64	A	Đề thu hút nguồn vốn đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài thì cần nâng cao chất lượng nguồn lao động và phát triển cơ sở hạ tầng.
65	C	Ở nông thôn do đặc điểm sản xuất nông nghiệp mang tính mùa vụ nên tỉ lệ thiếu việc làm luôn cao và cao hơn tỉ lệ thiếu việc làm ở thành thị.
66	A	Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tích cực sẽ có tác dụng đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.
67	C	Hiện nay, nước ta tập trung sản xuất các vùng chuyên canh cây CN lâu năm trên quy mô lớn, để tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, đáp ứng cho nhu cầu thị trường (gọi là phát triển NN hàng hóa) nên thị trường tác động chủ yếu đến sự phát triển cây CN lâu năm.
68	D	Ngành chăn nuôi tỉ trọng ngày càng tăng vững chắc trong cơ cấu NN nước ta chủ yếu do cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được đảm bảo tốt hơn từ nhiều nguồn (thức ăn tự nhiên, phụ phẩm ngành trồng trọt, thức ăn chế biến CN,...).
69	D	Giao thông vận tải biển chỉ phát triển ở vùng ven biển, nơi tập trung các cảng biển, nên nói GTVT biển có mạng lưới phủ khắp là không đúng.
70	C	Ngành du lịch nước ta đã có bước phát triển mạnh, nhất là du lịch biển do có nhiều bãi biển rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt, nên thu hút lượng khách lớn nhất, chủ yếu là khách nội địa, có các trung tâm du lịch quốc gia và vùng. Nên nói du lịch biển còn ở dạng tiềm năng là không đúng.
71	A	Yếu tố tác động chủ yếu đến ngành nội thương là tổng mức bán lẻ hàng hóa, thể hiện sức mua lớn, nên tổng mức bán lẻ tăng thì ngành nội thương càng phát triển.
72	A	Đẩy mạnh phát triển ngành dịch vụ ở ĐBSH có ý nghĩa chủ yếu là thu hút vốn đầu tư, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
73	C	Bắc Trung Bộ có diện tích đồng cỏ khá lớn ở vùng đồi trước núi, đó là điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi gia súc lớn, hiện nay vùng đã hình thành các vùng tập trung chăn nuôi gia súc lớn nhằm khai thác tốt thế mạnh và tạo ra sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường.

74	B	Ngành du lịch biển đảo của Duyên hải Nam Trung Bộ có bước phát triển mạnh, nhất là du lịch biển đảo do có nhiều điều kiện thuận lợi như bãi biển đẹp, rộng, nhiều đảo ven bờ,... tuy nhiên nhân tố quyết định đến sự phát triển du lịch của vùng là sản phẩm du lịch biển đảo đa dạng hơn và cơ sở hạ tầng tốt hơn.
75	D	Đồng bằng sông Cửu Long có địa hình thấp, ba mặt giáp biển, có nhiều cửa sông, kênh rạch chằng chịt. Chính vì vậy, mùa khô kéo dài sẽ khiến tình trạng xâm nhập mặn gia tăng, thiếu nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt, bên cạnh đó tình trạng hạn hán kéo dài khiến nước dưới kênh, rạch bị khô cạn, nền đất yếu bị co ngót... là nguyên nhân chính gây nên tình trạng “sụt lún” vùng ngọt.
76	C	Căn cứ vào trục tung và trục hoành của biểu đồ: nghìn ha là đơn vị của diện tích, tạ/ha là đơn vị của năng suất, bên cạnh đó số liệu ở đây đều là số liệu thô nên ta loại trừ các đáp án liên quan đến cơ cấu, tốc độ tăng trưởng.
77	A	Nguyên nhân làm thiên nhiên nước ta có sự thống nhất giữa đất liền và biển là biển ảnh hưởng mạnh mẽ đến thiên nhiên phần đất liền như: ảnh hưởng đến khí hậu, địa hình và hệ sinh thái ven biển, tài nguyên vùng biển, thiên tai,...
78	C	Phát triển ngành công nghiệp dầu khí có ý nghĩa rất quan trọng ở Đông Nam Bộ, vì góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
79	B	Trung du miền núi Bắc Bộ giàu tiềm năng khoáng sản bậc nhất nước ta, tuy nhiên phần lớn các mỏ khoáng sản nằm sâu dưới lòng đất, nơi địa hình đồi núi hiểm trở nên việc khai thác đòi hỏi chi phí lớn, công nghệ hiện đại.
80	C	Căn cứ vào bảng số liệu và yêu cầu của đề bài, ta không thấy các từ như: <i>tốc độ tăng trưởng</i> (nên ta loại biểu đồ đường), không thấy từ <i>cơ cấu</i> nên loại biểu đồ tròn, miền. Biểu đồ thể hiện rõ được 2 đối tượng với 2 đơn vị khác nhau qua nhiều năm là biểu đồ kết hợp.